

**TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**



## TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b>	Số 0300625210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 1 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 31 tháng 1 năm 2019.	
<b>Hội đồng Thành viên</b>	Ông Phạm Huy Bình Ông Võ Văn Tuấn Ông Trần Hùng Việt	Chủ tịch Thành viên Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 1 tháng 10 năm 2018)
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Bình Minh Ông Trần Hùng Việt  Ông Tô Tấn Dũng Ông Vương Anh Tuấn Ông Nguyễn Đông Hòa Ông Võ Anh Tài Ông Lê Ngọc Cơ	Tổng Giám Đốc (Bổ nhiệm từ ngày 11 tháng 4 năm 2019) Tổng Giám Đốc (Miễn nhiệm từ ngày 1 tháng 10 năm 2018) Phó Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc (Miễn nhiệm từ ngày 1 tháng 4 năm 2018)
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Phạm Huy Bình	Chủ tịch
<b>Trụ sở chính</b>	23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

## TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 57. Các báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Bình Minh**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 20 tháng 5 năm 2019

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CỦA TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên ("Tổng Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2018 và được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 20 tháng 5 năm 2019. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 57.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0849-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Trần Từ Mai Anh  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3546-2017-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM8365  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 5 năm 2019

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2018 VND	2017 VND (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>4.679.280.072.789</b>	<b>4.645.963.333.777</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>1.877.785.982.615</b>	<b>1.932.988.343.485</b>
111	Tiền		917.224.281.294	380.929.907.128
112	Các khoản tương đương tiền		960.561.701.321	1.552.058.436.357
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>1.778.748.457.581</b>	<b>1.609.970.798.276</b>
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	1.778.748.457.581	1.609.970.798.276
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>762.380.561.397</b>	<b>807.670.436.072</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	312.806.118.216	236.733.186.313
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		137.859.126.073	111.310.400.693
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	360.025.698.336	499.138.925.189
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(48.310.381.228)	(39.512.076.123)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>149.332.717.346</b>	<b>133.860.069.015</b>
141	Hàng tồn kho		149.332.717.346	133.860.069.015
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>111.032.353.850</b>	<b>161.473.686.929</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		24.085.600.555	26.427.584.289
152	Thuế GTGT được khấu trừ	13	15.506.470.554	8.563.343.882
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	71.440.282.741	126.482.758.758

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 57 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2018 VND	2017 VND (Trình bày lại)
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>7.223.539.592.797</b>	<b>7.272.321.763.717</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>58.170.968.648</b>	<b>57.591.304.939</b>
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	58.170.968.648	57.591.304.939
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>2.139.749.590.078</b>	<b>2.102.426.211.935</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	1.950.197.824.150	1.906.383.276.357
222	Nguyên giá		4.184.089.457.374	3.974.540.599.664
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.233.891.633.224)	(2.068.157.323.307)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	189.551.765.928	196.042.935.578
228	Nguyên giá		264.865.269.058	263.088.526.058
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(75.313.503.130)	(67.045.590.480)
<b>230</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	10	<b>15.574.169.955</b>	<b>17.783.291.955</b>
231	Nguyên giá		92.147.051.105	92.147.051.105
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(76.572.881.150)	(74.363.759.150)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>574.311.442.600</b>	<b>604.608.261.570</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	574.311.442.600	604.608.261.570
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>4.310.504.181.163</b>	<b>4.416.091.784.863</b>
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5(a)	3.639.384.120.704	3.742.610.991.074
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5(b)	735.270.331.566	737.510.331.566
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5(c)	(64.150.271.107)	(64.029.537.777)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>125.229.240.353</b>	<b>73.820.908.455</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	8	125.226.240.353	73.820.908.455
268	Tài sản dài hạn khác		3.000.000	-
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>11.902.819.665.586</b>	<b>11.918.285.097.494</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 57 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2018 VND	2017 VND (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.109.138.265.832</b>	<b>2.029.284.132.095</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.764.370.773.508</b>	<b>1.705.596.358.695</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	154.884.429.070	137.474.213.271
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		211.700.268.060	183.617.422.868
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	13	112.783.984.909	87.098.268.980
314	Phải trả người lao động		161.008.296.208	185.914.215.922
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	167.951.798.740	223.819.145.494
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		70.016.559.466	48.655.985.204
319	Phải trả ngắn hạn khác	15(a)	743.046.220.736	740.602.384.263
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16(a)	35.452.079.751	30.736.074.530
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	930.000.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	107.527.136.568	66.748.648.163
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>344.767.492.324</b>	<b>323.687.773.400</b>
332	Người mua trả tiền trước dài hạn		4.035.000.231	-
337	Phải trả dài hạn khác	15(b)	130.829.224.867	158.965.413.189
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16(b)	155.297.541.213	114.188.233.313
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	18	20.438.795.933	7.122.196.818
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		34.166.930.080	43.411.930.080
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>9.793.681.399.754</b>	<b>9.889.000.965.399</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>9.793.681.399.754</b>	<b>9.889.000.965.399</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19, 20	7.018.394.876.222	6.706.427.463.808
414	Vốn khác của chủ sở hữu	20	126.188.509	126.188.509
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	19.953.204.182	3.904.616.935
419	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	20	-	514.056.907.688
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20	2.016.145.692.060	1.936.050.859.573
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của các năm trước		1.263.536.583.289	1.478.754.010.825
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		752.609.108.771	457.296.848.748
429	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	21	739.061.438.781	728.434.928.886
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>11.902.819.685.586</b>	<b>11.918.285.097.494</b>

Trần Văn Huy  
Người lập

Lê Thị Hoàng Mai  
Kế toán trưởng và  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đình Minh  
Giám đốc  
Ngày 20 tháng 5 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 57 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2018 VND	2017 VND (Trình bày lại)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.651.909.939.799	6.202.752.586.206
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(844.702.602)	(728.290.959)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.651.065.237.197	6.202.024.295.247
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(5.490.403.512.994)	(5.004.596.469.275)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.160.661.724.203	1.197.427.825.972
21	Doanh thu hoạt động tài chính	302.851.795.559	339.311.130.662
22	Chi phí tài chính	(15.405.514.680)	(52.552.257.893)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(11.327.466.157)	(10.521.475.895)
24	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	388.290.245.417	448.699.842.204
25	Chi phí bán hàng	(187.526.171.602)	(135.886.960.111)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(552.221.240.366)	(552.447.800.140)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.096.650.838.531	1.244.551.780.694
31	Thu nhập khác	43.831.433.408	63.966.906.619
32	Chi phí khác	(6.596.104.573)	(8.328.940.392)
40	Lợi nhuận khác	37.235.328.835	55.637.966.227
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.133.886.167.366	1.300.189.746.921
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(137.184.989.206)	(153.769.334.221)
52	(Chi phí)/ thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(13.316.599.115)	9.806.319.194
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	983.384.579.045	1.156.226.731.894
	Phân bổ cho		
61	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	948.765.900.334	1.131.927.743.394
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	34.618.678.711	24.298.988.500



Trần Văn Huy  
Người lập



Lê Thị Hoàng Mai  
Kế toán trưởng và  
Giám đốc Tài chính




Nguyễn Bình Minh  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
Ngày 20 tháng 5 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 57 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		2018 VND	2017 VND (Trình bày lại)	
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>1.133.886.167.366</b>	<b>1.300.189.746.921</b>	
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	9, 10	163.528.882.566	162.581.224.447
03	Các khoản dự phòng		8.919.038.435	22.118.586.425
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	25, 26	(1.953.413.052)	95.107.682
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(441.648.851.889)	(535.716.757.639)
06	Chi phí lãi vay	26	11.327.466.157	10.521.475.895
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>		<b>874.059.289.583</b>	<b>959.789.383.731</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		292.898.815.492	(98.839.872.715)
10	Tăng hàng tồn kho		(15.472.648.331)	(34.618.317.934)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(66.115.385.518)	610.029.415.143
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(49.407.493.099)	14.558.825.093
14	Tiền lãi vay đã trả		(11.317.752.218)	(10.733.947.588)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(109.608.002.212)	(213.167.013.681)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		556.604.694	24.039.635.678
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(175.369.317.747)	(123.087.341.141)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>740.224.110.644</b>	<b>1.127.970.766.586</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(236.938.997.425)	(245.685.221.832)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		4.800.505.364	4.834.582.311
23	Chi đầu tư tài chính ngắn hạn		(2.968.133.629.760)	(3.957.232.116.626)
24	Thu từ đầu tư tài chính ngắn hạn		2.799.355.970.455	3.691.843.213.195
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(7.000.000.000)	(154.981.280.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		56.690.000.000	107.241.594.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		339.765.142.590	533.475.633.890
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(11.461.008.776)</b>	<b>(20.503.595.062)</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		522.099.000	33.327.312.000
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn		106.263.854.842	58.951.537.066
34	Chi trả nợ gốc vay		(64.905.489.721)	(54.692.281.888)
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu		(826.816.001.045)	(765.537.912.230)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(784.935.536.924)</b>	<b>(727.951.345.052)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(56.172.435.056)</b>	<b>379.515.826.472</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	3	<b>1.932.988.343.485</b>	<b>1.553.459.684.365</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		970.074.186	12.832.648
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	3	<b>1.877.785.982.615</b>	<b>1.932.988.343.485</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 57 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)  
(tiếp theo)



Trần Văn Huy  
Người lập



Lê Thị Hoàng Mai  
Kế toán trưởng và  
Giám đốc Tài chính



  
**Nguyễn Bình Minh**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ngày 20 tháng 5 năm 2019